TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt

2. Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 378/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoài T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thị trấn T, huyện H, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: thị trấn N, huyện N, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Hoài T trình bày: Bà và ông Nguyễn Hồng P tự tìm hiểu nhau. Sau đó, bà và ông Nguyễn Hồng P tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2013. Bà và ông P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Long An vào ngày 08/7/2016. Sau khi kết hôn, bà và ông P sống bên gia đình ông P ở thị trấn N, huyện N, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014, vợ chồng phát sinh

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là cuộc sống bên gia đình chồng không phù hợp, bà không hợp tính với mẹ chồng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Nên từ lúc sinh con vào tháng 9 năm 2014, bà đã bỏ về gia đình cha mẹ ruột của bà tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Long An để sinh sống và chăm lo cho con cho đến nay. Trong thời gian bà nuôi con, ông P không có trách nhiệm với vợ con, không chu cấp tiền để nuôi con, chỉ đam mê chơi game. Hiện tại, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn và bà xác định không còn tình cảm với ông P. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hồng P.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà và ông P có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 29/9/2014, giới tính: Nữ. Hiện tại, bà đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, bà xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà xác định giữa bà và ông Nguyễn Hồng P không có tài sản chung, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định giữa bà và ông Nguyễn Hồng P không có nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2018, biên bản hòa giải ngày 04/5/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Hồng P trình bày: Ông xác định là ông và bà T sống chung với nhau từ năm 2012, sau đó có tiến hành kết hôn và đăng ký kết hôn như là bà T trình bày. Quá trình chung sống, ông xác định giữa vợ chồng ông cũng tồn tại những mâu thuẫn như là: bà T không làm biết cách làm dâu khi sống chung với gia đình ông, ông vẫn thường xuyên thăm con khi bà T về sinh sống bên gia đình cha mẹ ruột của bà T, việc ông thừa nhận có hay chơi game, nhưng chỉ là để tiêu khiển giải trí cá nhân, nhưng có chừng mực. Đây là những mâu thuẫn mà bà T nêu ra, nhưng ông thấy mâu thuẫn nhỏ có thể khắc phục được. Ông xác định vẫn còn yêu thương bà T và con, nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Ông và bà T có 01 con chung như là bà T trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà T ly hôn với ông, ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay ông đang làm công nhân bảo trì máy móc và thiết bị điện, với mức thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Hiện tại, ông đang sống cùng mẹ ruột của ông tại thị trấn N, nên ông có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Ông xác định ông và bà Nguyễn Hoài T không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định ông và bà Thương không có nợ ai.

Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật và đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ cho bà T và ông P, nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Hoài T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Hồng P. Ông P đang cư trú tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Hoài T thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con so với yêu cầu trong đơn khởi kiện là không yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Hồng P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà Thương là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoài T:

[3.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Hoài T và ông Nguyễn Hồng P tự nguyện sống chung với nhau và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 đăng ký ngày 08/7/2016 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà T và ông P là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà T và ông P đã phát sinh mâu thuẫn do những nguyên nhân mà bà T và ông P trình bày. Xét thấy, từ khi bà T sinh con (tháng 9 năm 2014) cho đến nay bà T và ông P đã không sống chung nhà với nhau. Bà T yêu cầu ly hôn với ông P và ông P không đồng ý vì ông vẫn còn thương vợ, con. Ông cho rằng những mâu thuẫn nêu trên là nhỏ và khắc phục được. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên nhiều lần nhưng đoàn tụ không thành. Ông P cũng không đưa ra được những biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng được bà T chấp nhận. Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông P. Điều đó chứng tỏ những mâu thuẫn giữa bà T và ông P là có thật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông P là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Hoài T được ly hôn với ông Nguyễn Hồng P.

[3.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Do tại thời điểm xét xử, cháu Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 29/9/2014 chưa đủ 07 tuổi, nên Tòa án không lấy ý kiến nguyện vọng của cháu Trâm A muốn sống với ai. Tại phiên tòa, bà T và ông P không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông P có nhà và sinh sống tại thị trấn N, đang công nhân bảo trì có thu nhập ổn định 6.000.000 đồng/tháng cũng có đủ điều kiện nuôi con chung. Nhưng cháu Trâm A từ lúc sinh ra cho đến nay đều do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Trâm A cũng đã gần 04 tuổi và đang phát triển bình thường. Hơn nữa, cháu Trâm A lại là bé gái, nên bà T sẽ dễ

hiểu sự thay đổi tâm sinh lý để nuôi dạy và định hướng cho cháu Trâm A. Bà T đang làm kế toán của Trung tâm y tế dự phòng huyện N, tỉnh Long An, có thu nhập ổn định là 5.000.000 đồng/tháng và có chỗ ở ổn định. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét thấy cần giao con chung cho bà Nguyễn Hoài T được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về chia tài sản, về nợ chung: Bà Nguyễn Hoài T và ông Nguyễn Hồng P đều xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Hoài T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hoài T về việc tranh chấp ly hôn với ông Nguyễn Hồng P.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hoài T được ly hôn với ông Nguyễn Hồng P

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Hoài T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Thị Trâm A, sinh ngày 29/9/2014, giới tính: Nữ. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Hoài T không yêu cầu ông Nguyễn Hồng P cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Hoài T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002603 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Hoài T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Long An *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương